

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đặng Ngọc Đức

Viện Ngân hàng- Tài chính, trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: dangocduc68@yahoo.com

Đỗ Hồng Nhung

Viện Ngân hàng- Tài chính, trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: nhungdh@gmail.com

Ngày nhận: 18/6/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2016

Ngày duyệt đăng: 25/8/2016

Tóm tắt:

Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống tài chính ở nhiều quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới. Tại Việt Nam, nhiều Quỹ tín dụng nhân dân đã khai thác tốt nguồn tiền nhàn rỗi tại chỗ, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống của thành viên, góp phần xóa đói giảm nghèo và hạn chế vấn nạn cho vay nặng lãi, đặc biệt ở các vùng nông thôn và vùng xung quanh các đô thị. Tuy nhiên, thực tế đó cũng không phủ nhận rằng vẫn còn nhiều Quỹ tín dụng nhân dân trong cả nước hoạt động chưa hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao và ảnh hưởng đến hoạt động của các quỹ khác. Bài viết này là một phần của nghiên cứu đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhằm khuyến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân tại khu vực giàu tiềm năng của đất nước nhưng sự phát triển kinh tế và đời sống của người dân vẫn đang ở mức rất khiêm tốn.

Từ khóa: Hiệu quả hoạt động; quỹ tín dụng nhân dân; Đồng bằng sông Cửu Long.

Assessing the performance of people's credit funds in Mekong Delta area

Abstract:

The system of people's credit funds (PCFs) and credit cooperatives are an important component of the financial system in developed countries and developing countries in the world. In Vietnam, many PCFs have been performing well by mobilizing local capital resources to satisfy demand for small businesses, improving members' lives, pursuing poverty reduction and constraining high-interest lending in countryside as well as in the poor cities' suburbs. However, it's also the fact that many other PCFs are still operating not efficiently, even creating potential risks, affecting the safety of the whole system. This paper is as a part of the study on assessing current situation of PCFs in Mekong Delta area with the purpose of providing recommendations to enhance performance of PCFs in this potential region of the country.

Keywords: Performance; People's Credit Fund (PCF), Mekong Delta area.

1. Đặt vấn đề

Quỹ tín dụng nhân dân là mô hình hợp tác xã tín dụng, một cấu phần quan trọng trong hệ thống tài chính (Hesse & Cihak, 2007). Với đặc trưng quan trọng là hoàn toàn do các thành viên sở hữu và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, các Quỹ tín dụng nhân dân hay hợp tác xã tín dụng cung cấp các dịch vụ tài chính khá đa dạng như nhận tiền gửi tiết kiệm, cho vay và một số hình thức dịch vụ tài chính khác giúp cho các thành viên tham gia có thể cải thiện được đời sống và quá trình sản xuất, kinh doanh ở những quy mô nhỏ (Zeuli & Cropp, 2004; Woccu, 2010).

Nghiên cứu của Hesse & Cihak (2007) trên hệ thống dữ liệu của 16.577 tổ chức tín dụng, trong đó có 3.072 Quỹ tín dụng nhân dân tại 29 quốc gia thuộc OECD cho thấy các Quỹ tín dụng nhân dân có xu hướng hoạt động ổn định hơn các ngân hàng thương mại, song việc huy động vốn của các Quỹ tín dụng nhân dân lại luôn khó khăn hơn. Do vậy, ngoài việc áp dụng những mô hình và tiêu chuẩn đánh giá thông thường đối với các trung gian tài chính nói chung như CAMELS, PEARLS,... cần có thêm những tiếp cận khác phù hợp hơn đối với quy mô, phạm vi và tính chất hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân như cải thiện về đời sống, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và những tác động về an sinh xã hội. Theo Baarda (2006), việc phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Quỹ tín dụng nhân dân cần tập trung vào các nguyên lý cơ bản của mô hình này và cần gắn với sự phát triển của khu vực nông nghiệp, nông thôn,...

Nghiên cứu tiếp theo của ADB (2009) phân tích ngành tài chính vi mô Việt Nam nói chung, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính vi mô nói riêng cho rằng hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đứng thứ 3 về thị phần khách hàng và dư nợ, và là mô hình tự chủ về tài chính. Thêm vào đó, trong nghiên cứu của Đào Văn Hùng & cộng sự (2010) thực hiện trên 477 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trong cả nước trong thời gian 6 năm từ 2004 đến 2009. Kết quả mô hình chỉ ra: có sự đánh đổi giữa chiều sâu tiếp cận tới người nghèo và mức độ bền vững của tổ chức tài chính vi mô. Tuy nhiên, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính vi mô vẫn có thể tăng được khả năng bền vững tài chính, tăng độ sâu tiếp cận tài chính trong khi mở rộng tiếp cận tới người nghèo, tức là đảm bảo mục tiêu phục vụ phát triển. Mô hình Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam là một lựa chọn tốt để

nhân rộng nhằm phát triển thị trường tài chính vi mô và góp phần xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam.

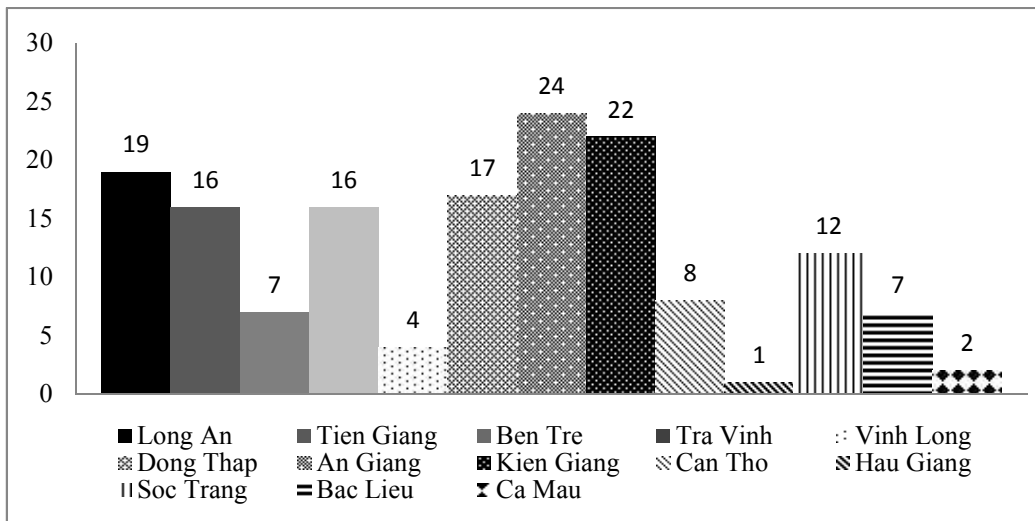
Tại Việt Nam, các Quỹ tín dụng nhân dân ở thành thị và các hợp tác xã tín dụng ở nông thôn được thành lập và đi vào hoạt động từ những năm 1958-1960 cùng với phong trào hợp tác hóa. Trong quá trình phát triển dù đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm khác nhau, song các Quỹ tín dụng nhân dân và các hợp tác xã tín dụng ở Việt Nam đã phát huy vai trò quan trọng, đặc biệt là sự phát triển thị trường tài chính nông thôn và tài chính vi mô. Do vậy, mô hình tổ chức và hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân đã được quan tâm nghiên cứu một cách khá phổ biến. Trong thời gian gần đây, nghiên cứu của Bùi Chính Hưng (2004) đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản và khái quát những bài học kinh nghiệm xây dựng và phát triển các tổ chức tín dụng hợp tác ở một số nước trên thế giới trên các giác độ: mô hình tổ chức và quản lý, các nghiệp vụ kinh doanh và kết quả hoạt động. Nghiên cứu của Lê Thanh Tâm (2007) sử dụng mô hình SWOT để đánh giá hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân, chỉ ra điểm mạnh đặc trưng là hiểu rõ khách hàng và có khả năng đáp ứng nhu cầu dịch vụ tài chính kịp thời nhất, trong khi điểm yếu căn bản là phạm vi hoạt động, đối tượng khách hàng và sự đa dạng của các dịch vụ cung cấp.

Có thể nói phần lớn các nghiên cứu mới chỉ tập trung vào các vấn đề về mô hình tổ chức, các hoạt động, đặc tính sản phẩm dịch vụ và kết quả kinh doanh của các Quỹ tín dụng nhân dân. Những báo cáo của các Quỹ tín dụng nhân dân hay đánh giá của Cơ quan Thanh tra Giám sát của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, v.v... đối với các Quỹ tín dụng nhân dân cũng chỉ tập trung vào thực trạng về quy mô hoạt động, chất lượng dư nợ, sự tuân thủ các quy định hơn là đánh giá hiệu quả kinh doanh về tài chính và về kinh tế - xã hội.

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực trọng điểm về sản xuất nông nghiệp, đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Khu vực này có 155 quỹ, chiếm khoảng 15% về số lượng và 17% về tổng tài sản của các Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động trong cả nước (Báo cáo Ngân hàng Nhà nước, 2015).

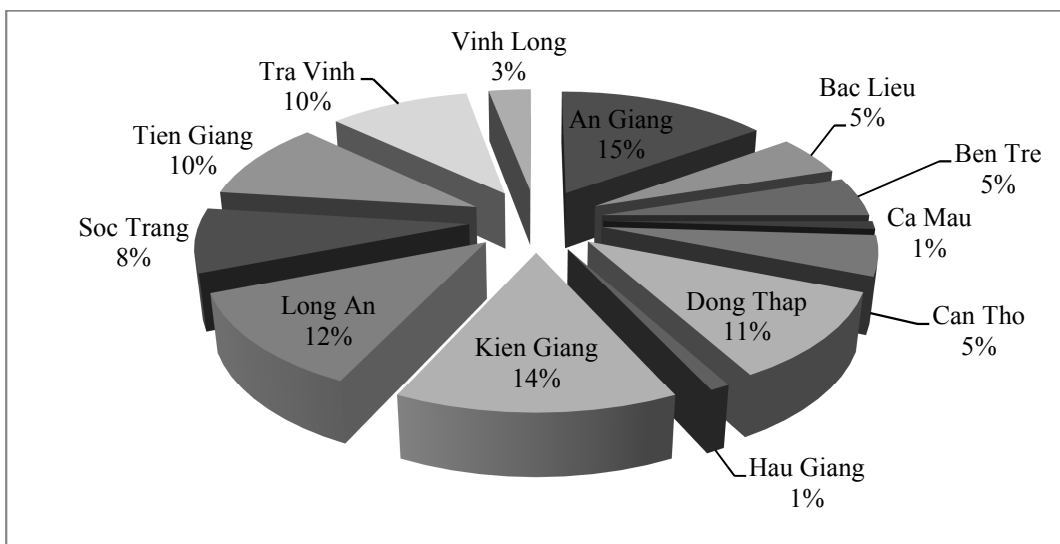
Tính đến năm 2015, tổng số vốn của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là 9.476,58 tỷ VNĐ. Một số Quỹ tín dụng nhân dân có số vốn cao khoảng trên 100 tỷ VNĐ và những

Hình 1: Số lượng Quỹ tín dụng nhân dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

Hình 2: Tỷ trọng vốn Quỹ tín dụng nhân dân tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long



Nguồn: Hiệp hội quỹ Tín dụng nhân dân Việt Nam

quỹ có số vốn thấp khoảng 5-10 tỷ VNĐ. Đặc biệt, một số quỹ có số vốn trên 500 tỷ như Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Hòa, Mỹ Phước, Mỹ Bình, các quỹ này đều thuộc tỉnh An Giang. Đặc biệt, số quỹ có số vốn trên 50 tỷ VNĐ chiếm tỷ trọng cao, xấp xỉ 37,4%/ tổng số quỹ, song quy mô vốn của những Quỹ tín dụng nhân dân này lại chiếm tới 70,56% tổng số vốn của toàn bộ các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực. Những Quỹ tín dụng nhân dân có số vốn dưới 20 tỷ VNĐ chiếm tỷ lệ thấp 10,32%, song tổng số vốn của những quỹ này chỉ chiếm 2,66% tổng số vốn của toàn bộ các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực.

Trong thời gian qua, các Quỹ tín dụng nhân dân

khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới của khu vực này. Nhiều Quỹ tín dụng nhân dân đã phát huy tốt vai trò tương trợ cộng đồng, tăng cường đầu tư phát triển kinh tế hộ, thúc đẩy tăng trưởng và cải thiện đời sống, an sinh xã hội của địa phương. Song, ngược lại, vẫn còn một số Quỹ tín dụng nhân dân chưa bám sát mục tiêu hoạt động, chưa chấp hành nghiêm túc các quy định và quy trình tín dụng nên đã phát sinh rủi ro, ảnh hưởng đến an toàn của các Quỹ tín dụng nhân dân khác trong vùng. Ngoài ra, phần lớn Quỹ tín dụng nhân dân Khu vực này có quy mô vốn tự có

Bảng 1: Huy động vốn của Quỹ tín dụng nhân dân giai đoạn 2009 – 2015

	Huy động vốn từ tổ chức kinh tế dân cư	Vay Ngân hàng hợp tác xã	Vay tổ chức tín dụng khác	Tổng vốn huy động	Vốn huy động/Tổng vốn
2012	5.024.621	1.009.371	91.476	6.125.468	87%
2013	5.914.340	1.061.939	35.973	7.012.252	88%
2014	7.271.084	742.889	24.560	8.038.533	89%
2015	7.877.227	535.473	32.571	8.445.271	89%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của tác giả

nhỏ, trình độ cán bộ quản lý còn hạn chế, quy mô dư nợ và món vay nhỏ, trong khi chi phí lớn nên lợi nhuận thấp, hạn chế khả năng tích lũy để mở rộng quy mô và đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

Vì vậy, tiến hành đánh giá về hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là cần thiết và hoàn thiện thêm các nghiên cứu đã được công bố.

2. Phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin

Về phương pháp nghiên cứu: Các phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk review), phương pháp thống kê mô tả, phân tích và tổng hợp được vận dụng để đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long, trong khi các phương pháp chuyên gia, nghiên cứu điển hình kết hợp với phỏng vấn sâu để kiểm chứng cho những phân tích và đánh giá dựa trên số liệu thứ cấp đã được thu thập.

Về đối tượng và quy mô phỏng vấn: phỏng vấn sâu 4 nhóm đối tượng: (i) Cơ quan quản lý; (ii) Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân; (iii) lãnh đạo các quỹ tín dụng nhân dân (4 quỹ/tỉnh); (iv) hộ gia đình là thành viên tham gia quỹ (quy mô 3 hộ gia đình/quỹ).

Về phạm vi phỏng vấn: tại các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Cần Thơ, An Giang và Bến Tre.

Về nội dung phỏng vấn: tình hình hoạt động của

các Quỹ tín dụng nhân dân: quy mô, tăng trưởng về tài chính và thành viên, khách hàng, các dịch vụ, những thuận lợi và khó khăn, kết quả hoạt động, hiệu quả tài chính và những tác động đối với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động.

Về phương pháp thu thập và xử lý thông tin: nguồn số liệu thông tin thứ cấp giai đoạn 2012-2015 được tập hợp và thu thập từ các báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Hợp tác xã, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

3. Hiệu quả hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Kết hợp giữa kết quả phỏng vấn sâu, phân tích và tổng hợp về thực trạng hoạt động cho thấy các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được một số kết quả tích cực:

Thứ nhất, tăng trưởng huy động vốn và cho vay luôn ở mức cao và ổn định trong giai đoạn 2012-2015 giúp các quỹ phát huy tốt vai trò tương hỗ giữa các thành viên, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn tại địa phương, đặc biệt đối với kinh tế hộ sản xuất và kinh doanh với quy mô nhỏ.

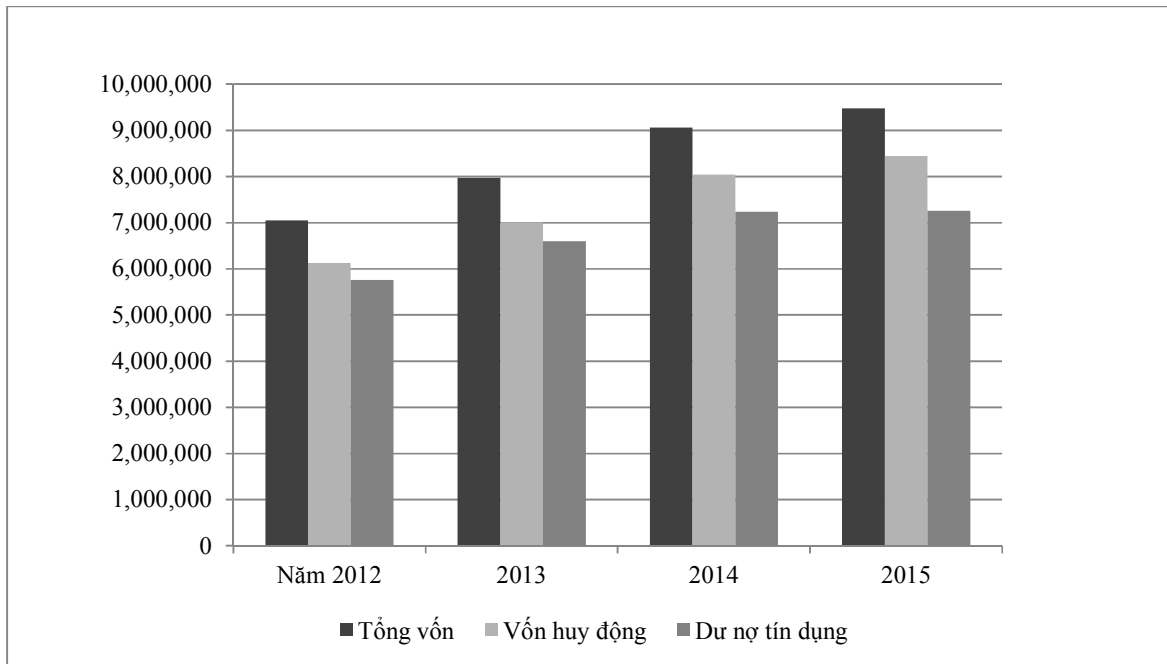
Như một kết quả tất yếu, khi nguồn vốn tăng trưởng tốt, dư nợ tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân của Khu vực này cũng tăng trưởng rất tích

Bảng 2: Tăng trưởng vốn, dư nợ của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long

	2012		2013		2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn huy động	6.125.468	86,92	7.012.249	87,96	8.038.535	89	8.445.272	89
Dư nợ tín dụng	5.760.507	81,74	6.600.170	82,79	7.241.199	80	7.259.993	77
Tổng vốn	7.047.059	100,00	7.972.443	100,00	9.062.327	100	9.476.581	100

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của tác giả

Hình 3. Tăng trưởng quy mô vốn, vốn huy động và dư nợ tín dụng năm 2012-2015



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của tác giả

cực trong thời gian 2012-2015 (Bảng 2).

Tổng số vốn năm 2015 tăng 34,48% so với năm 2012, trong đó huy động vốn tăng 37,87% và tổng dư nợ tín dụng tăng 26,03%. Hơn nữa, trên 93% vốn huy động được từ tiền gửi của các tổ chức kinh tế và dân cư là điều kiện tốt để đáp ứng nhu cầu cho vay các thành viên (Hình 2). Có thể thấy đây là phản ánh thuyết phục về hiệu quả tài chính của các Quỹ tín dụng nhân dân Khu vực này trong giai đoạn 2012-2015.

Thứ hai, các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn đều đạt được mục tiêu hạn chế cho vay nặng lãi và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Kết quả trả lời phỏng vấn của các thành viên và các hộ vay vốn cho thấy nhu cầu vay đều được thỏa mãn một cách nhanh chóng, thuận lợi bởi các Quỹ tín dụng nhân dân. Vấn nạn vay nặng lãi đã được hạn chế, toàn địa bàn đã không xảy ra tình trạng vỡ hụi/hộ.

Thứ ba, hầu hết các Quỹ tín dụng nhân dân đã tuân thủ nghiêm túc những quy định giám sát của Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam cũng như đảm bảo các nguyên tắc hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân. Đây không chỉ là báo cáo của các Quỹ tín dụng nhân dân mà còn là nhận định đánh giá của các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;

Thứ tư, hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân tại khu vực duy trì hiệu suất và tăng trưởng khá ổn định, góp phần đáng kể vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện an sinh xã hội tại các địa phương trong khu vực. Với sự phát triển của kinh tế hộ sản xuất, nhất là hộ sản xuất nông nghiệp hướng tới tăng cường tỷ trọng sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Đời sống người dân đã được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm thấp...

Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu quả đạt được nêu trên, kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân tại Khu vực này còn khá nhiều hạn chế và hiệu quả hoạt động chưa cao. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, quy mô vốn chủ sở hữu nhỏ, đặc biệt có những Quỹ tín dụng nhân dân với quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng. Đến năm 2015, tổng giá trị vốn chủ sở hữu của các Quỹ tín dụng nhân dân tại khu vực là 9.476,58 tỷ đồng. Số vốn của mỗi quỹ được phân bổ theo quy mô, một số Quỹ tín dụng nhân dân có số vốn cao khoảng trên 100 tỷ VNĐ và những quỹ có số vốn thấp khoảng 5-10 tỷ VNĐ. Đặc biệt một số quỹ có số vốn trên 500 tỷ như Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Hòa, Mỹ Phước, Mỹ Bình, các quỹ này đều thuộc tỉnh An Giang. Tuy vậy, trên 62% tổng số quỹ của Khu này có số vốn dưới 50 tỷ. Điều này hạn chế rất nhiều đến năng lực huy động, cho vay, khả năng chịu đựng tổn thất và thanh khoản của các Quỹ tín

Bảng 3: Phân bổ vốn của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Quy mô vốn	Số lượng Quỹ tín dụng nhân dân		Tổng vốn	
	Số lượng (số quỹ)	Tỷ trọng (%)	Quy mô vốn	Tỷ trọng
			(VNĐ)	(%)
Trên 50 tỷ VNĐ	59	38,06	6.686.413	70,56
20-50 tỷ VNĐ	74	47,74	2.491.383	26,29
10-20 tỷ VNĐ	16	10,32	252.300	2,66
5-10 tỷ VNĐ	6	3,87	46.485	0,49
Dưới 5 tỷ VNĐ	-	-	-	-
Tổng cộng	155	100	9.476.581	100

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của tác giả

Bảng 4: Tăng trưởng vốn, dư nợ của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long

	Năm 2012		2013		2014		2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn huy động	6.125.468	86,92	7.012.249	87,96	8.038.535	89	8.445.272	89
Dư nợ tín dụng	5.760.507	81,74	6.600.170	82,79	7.241.199	80	7.259.993	77
Tổng vốn	7.047.059	100,00	7.972.443	100,00	9.062.327	100	9.476.581	100

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của tác giả

dụng nhân dân (Bảng 3).

Xét về cấu trúc vốn, những quỹ chủ yếu, quy mô lớn có tổng số vốn chiếm tới trên 70%, tương đương với 6.686,41 tỷ VNĐ; trong đó huy động nợ chiếm tới 89%, tương đương với 5.971,366 tỷ VNĐ; vốn chủ sở hữu là 715,15 tỷ VNĐ, chiếm 11% tổng vốn.

Thứ hai, mặc dù các chỉ tiêu về tổng vốn, vốn huy động có xu hướng tăng và ổn định từ 86,92% năm 2012 lên 89% năm 2015 (Bảng 1 và 2), song dư nợ có xu hướng giảm từ 81,74% năm 2012 xuống 77% năm 2015 cho thấy hiệu quả tài chính của các Quỹ tín dụng nhân dân tại khu vực này đang có xu hướng giảm. Chi tiết mối liên hệ giữa tăng trưởng vốn, dư nợ của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long được thể hiện qua số liệu trình

bày trong Bảng 4.

Ngoài ra, lãnh đạo các Quỹ tín dụng nhân dân đều nhận định rằng quy mô huy động vốn và cho vay của các quỹ sẽ bị thu hẹp sau khi Thông tư 04/2015/TT-Ngân hàng Nhà nước ngày 31/3/2015 (Ngân hàng Nhà nước, 2015) có hiệu lực. Mặt khác, khi các Quỹ tín dụng nhân dân chưa tiếp cận được các nguồn vốn ủy thác với chi phí thấp, những quy định về phạm vi địa bàn hoạt động đã làm giảm năng lực cạnh tranh và thu hẹp quy mô hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực. Thêm vào đó, trong khi dư nợ tín dụng có xu hướng giảm, vốn huy động lại có xu hướng tăng, nợ xấu tăng khiến hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các khu vực này có xu hướng giảm.

Bảng 5: Nợ xấu của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2009 – 2015

	Nợ xấu	Tổng dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu	Kết quả kinh doanh (lợi nhuận)
2009	29.565	3.571.927	0,8%	60.821
2010	36.434	4.364.438	0,8%	83.019
2011	50.430	4.962.767	1,0%	109.085
2012	168.812	5.760.507	1,2%	115.436
2013	108.860	6.600.170	1,6%	110.859
2014	120.248	7.241.199	1,7%	125.418
2015	129.460	7.259.993	1,8%	64.387

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tổng hợp của tác giả

Thêm vào đó, theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về cấu trúc tài chính của PEARLS, tỷ trọng dư nợ trong tổng tài sản mục tiêu từ 70% - 80%, hơn 30 Quỹ tín dụng nhân dân khu vực này đã không tuân thủ được theo tiêu chí đánh giá này và chỉ có 33 Quỹ tín dụng nhân dân khu vực này đáp ứng được điều kiện cấu trúc tài chính tốt và 122 Quỹ tín dụng nhân dân phải đối mặt với hiệu quả tài chính yếu kém.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hiệu quả tài chính yếu kém là tỷ lệ nợ xấu của các Quỹ tín dụng nhân dân tăng qua các năm, đặc biệt tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng mạnh từ năm 2013 tới nay. Cụ thể tỷ lệ nợ xấu như trình bày trong Bảng 5.

Thứ ba, một số Quỹ tín dụng nhân dân cần được tái cấu trúc (trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân Cần Thơ) do hoạt động kém hiệu quả, phải đưa vào diện kiểm soát đặc biệt và hướng tới giải thể, thu hồi giấy phép. Bảng 5 cho thấy, nợ xấu của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực này đang thấp hơn mức cho phép, song tỷ lệ nợ xấu lại có xu hướng gia tăng, tới năm 2015 tỷ lệ nợ xấu là 1,8%. Đáng chú ý là nợ xấu của một số Quỹ tín dụng nhân dân đã tăng trên 10%, và một số quỹ đã cho vay đầu tư bất động sản.

Theo kết quả phỏng vấn và phân tích ý kiến của các chuyên gia, việc tái cấu trúc và giải thể một số Quỹ tín dụng nhân dân do: (1) dư nợ tăng chậm và thấp, ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh; (2) phát sinh nợ xấu; (3) cấp tín dụng sai mục đích và có dấu hiệu sai phạm trong hoạt động (ví dụ: Quỹ tín dụng nhân dân Tây Đô cho vay đầu tư “lướt sóng” bất động sản); (4) tỷ lệ sinh lời của các Quỹ tín dụng nhân dân của khu vực có sự khác biệt khá lớn, chẳng hạn năm 2013, ROE của quỹ thấp nhất là 3,881%, trong khi ROE của quỹ cao nhất tới 57,8%.

Thứ tư, quy định địa bàn hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân dẫn đến việc tiếp cận khách hàng gặp nhiều khó khăn. Theo đó, việc lựa chọn thành viên theo hộ khẩu và theo địa bàn đã gây cản trở cho huy động vốn và cho vay của các Quỹ tín dụng nhân dân này. Thêm vào đó, yếu tố kỳ hạn khoản vay cũng là một trong những yếu tố quan trọng khiến việc tiếp cận khách hàng của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực này gặp nhiều khó khăn. Số lượng khách hàng vay trung hạn và dài hạn ở mức rất khiêm tốn và có xu hướng giảm.

Thứ năm, khả năng thanh khoản của các Quỹ tín dụng nhân dân còn hạn chế. Trước hết, do quy mô huy động vốn và tăng trưởng thành viên bị hạn chế

bởi Thông tư 04/2015/TT-Ngân hàng Nhà nước nêu trên. Ngoài ra, sự an toàn và thanh khoản của các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực còn chịu ảnh hưởng bởi các quy định về dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Hợp tác xã. Theo đó, các Quỹ tín dụng nhân dân khi huy động và cho vay phải trích lập tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Hợp tác xã. Qua phỏng vấn sâu lãnh đạo của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực này có thể thấy, phần lớn ý các kiến cho rằng tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Hợp tác xã là quá cao, ảnh hưởng tới quy mô vốn khả dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân.

Thứ sáu, theo kết quả phỏng vấn sâu lãnh đạo của các Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam khu vực đồng bằng sông Cửu Long có thể thấy, cơ cấu và trình độ của nhân lực còn nhiều bất cập và yếu kém. Khu vực đồng bằng sông Cửu Long với 13 tỉnh/ thành phố, trong đó diện tích nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, địa bàn hoạt động của nhiều Quỹ tín dụng nhân dân là ở nông thôn và mang nét đặc thù của nông thôn. Nhiều thành viên của hội đồng quản trị chưa có chuyên môn nghiệp vụ tài chính đang hạn chế lớn công tác quản trị điều hành, giám sát hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân. Thông tư 04/2015/TT-Ngân hàng Nhà nước quy định về trình độ của hội đồng quản trị tại các Quỹ tín dụng nhân dân chặt chẽ hơn trước và nếu thực hiện nghiêm túc quy định này thì nhiều Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn không đủ tiêu chuẩn, sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của quỹ. Theo thông tư này, các thành viên hội đồng quản trị của quỹ phải có thời gian công tác tại lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, ngân hàng, kiểm toán, luật từ 02 năm trở lên và có văn bằng chứng chỉ về đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân. Vì vậy, qua kết quả phỏng vấn sâu lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước và các Quỹ tín dụng nhân dân cho thấy, theo quy định này thì nhiều Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn mà một số thành viên hội đồng quản trị không đáp ứng được đã gây ra nhiều khó khăn trong cơ cấu lại về nhân sự và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của quỹ.

Ngoài ra, Thông tư 04/2015/TT-Ngân hàng Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước quy định số thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân tối thiểu là 300 thành viên cũng gây khó khăn cho các quỹ trong phát triển kinh doanh, kể cả việc đáp ứng yêu cầu số lượng thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân khi tham gia đại hội thành viên.

4. Khuyến nghị

Từ những kết quả phân tích, đánh giá nêu trên, nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm giải quyết những khó khăn vướng mắc, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Các khuyến nghị cụ thể như sau:

4.1. Khuyến nghị về quản lý Nhà nước đối với các Quỹ tín dụng nhân dân

Thứ nhất, tăng cường công tác thanh tra giám sát một cách có trọng tâm đối với các Quỹ tín dụng nhân dân tiềm ẩn rủi ro cao và có biểu hiện yếu kém trong quản trị điều hành, kinh doanh kém hiệu quả và có dấu hiệu vi phạm pháp luật; các Quỹ tín dụng nhân dân xếp loại yếu kém trong 2 năm gần nhất. Cần kiên quyết xử lý những Quỹ tín dụng nhân dân không tuân thủ nghiêm túc các quy định để hạn chế sự lan tỏa ảnh hưởng xấu đến các quỹ khác trong khu vực. Tăng cường sự hỗ trợ và phối hợp giữa các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam tại các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong việc chỉ đạo các Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại và xúc tiến thực hiện phương án cơ cấu lại đối với các Quỹ tín dụng nhân dân yếu kém, tiềm ẩn nhiều rủi ro, các Quỹ tín dụng nhân dân nằm trong diện kiểm soát đặc biệt như Quỹ tín dụng nhân dân Cần Thơ, Quỹ tín dụng nhân dân Tây Đô,...

Thứ hai, tăng cường chức năng quản lý, giám sát và hỗ trợ hoạt động một cách hiệu quả hơn của Ngân hàng Hợp tác xã trong việc điều hòa vốn của các Quỹ tín dụng nhân dân, đặc biệt đối với các quỹ có khả năng huy động vốn cao nhưng khả năng sử dụng vốn trong phạm vi hoạt động theo quy định thấp. Ngân hàng Hợp tác xã cần nghiên cứu giảm tỷ lệ trích lập dự trữ bắt buộc, áp dụng cơ chế vận hành giá trị trích lập dự trữ bắt buộc đối với các Quỹ tín dụng nhân dân một cách linh hoạt hơn (theo tình hình hoạt động và chất lượng dư nợ của các quỹ), đồng thời phát huy được vai trò điều tiết vốn, hỗ trợ cho các Quỹ tín dụng nhân dân huy động và sử dụng vốn cho vay hiệu quả hơn.

Thứ ba, mạnh dạn đổi mới cơ chế giám sát và quản lý hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân theo kết quả cuối cùng trên cơ sở chấp hành các quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, phỏng vấn cho thấy trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam và các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương đã rất quan tâm

và có nhiều đổi mới trong công tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực. Tuy nhiên, việc đánh giá hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân vẫn chỉ dừng lại ở mức độ rà soát theo các quy định về đối tượng khách hàng, quy trình, phạm vi địa bàn hoạt động,... mang tính hành chính, hình thức, do vậy chưa thực sự hiệu quả và trọng tâm vào hiệu quả xã hội của các Quỹ tín dụng nhân dân. Ngoài ra, một số quy định được các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực phản ánh là trở ngại đáng kể cho sự phát triển (Thông tư 04/2015/TT-Ngân hàng Nhà nước) cần được rà soát và sửa đổi tạo điều kiện cho các Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động linh hoạt, hiệu quả hơn. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam cần kết hợp chặt chẽ với Ngân hàng hợp tác xã trong việc đổi mới và áp dụng phương thức giám sát theo hướng coi trọng kết quả, hiệu quả hoạt động và sự an toàn của các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

Thứ tư, các cơ quan quản lý và các cơ quan hữu quan cần tạo điều kiện và tăng thêm những cơ hội cho các Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện các dịch vụ tài chính để tăng doanh thu mà không rủi ro như: làm đại lý dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ,... Doanh thu của Quỹ tín dụng nhân dân hiện nay chủ yếu là thu từ lãi tiền vay, do đó rất hạn chế và tiềm ẩn rủi ro rất cao. Trong khi một số địa phương nhu cầu của người dân về dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ, thanh toán hóa đơn ngày càng tăng. Đề nghị các cơ quan quản lý và các cơ quan hữu quan nghiên cứu, tạo điều kiện cho các Quỹ tín dụng nhân dân được phép và có cơ hội cung cấp các dịch vụ tài chính như chuyển tiền, ủy thác thu, chi các dịch vụ công, chi trả lương hưu và phụ cấp,... vừa tăng doanh thu và mở rộng kết nối với cộng đồng.

4.2. Giải pháp đối với các Quỹ tín dụng nhân dân

Thứ nhất, cơ cấu tổ chức và quản trị của các Quỹ tín dụng nhân dân, cụ thể: (1) xây dựng phương án tái cơ cấu hoạt động phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật; (2) những tiêu chuẩn về chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và vận hành hoạt động tài chính cần phải được tôn trọng khi lựa chọn đội ngũ của quản lý các quỹ; (3) nâng cao vị thế và quy định rõ trách nhiệm cá nhân của các thành viên quản lý; (4) đơn giản hóa và tinh giản bộ máy quản trị điều hành, tiết giảm tối đa các thành viên không chuyên trách trong Hội đồng quản trị và tăng trách nhiệm của các thành viên chuyên trách.

Thứ hai, tăng cường năng lực tài chính của các Quỹ tín dụng nhân dân. Các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực cần chủ động, tích cực hơn nữa trong việc áp dụng các biện pháp tăng vốn điều lệ, củng cố năng lực tài chính. Trên cơ sở đó, tăng cường huy động vốn, đặc biệt là tăng cường huy động nguồn vốn tại chỗ, có tính mùa vụ theo tính chất của hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua việc chủ động và tích cực tiếp cận khách hàng. Mặt khác, các Quỹ tín dụng nhân dân trong khu vực cần đa dạng hơn nữa các sản phẩm tiết kiệm phù hợp với nhu cầu của khách hàng trên địa bàn (tiết kiệm theo mục đích sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm theo mùa vụ, tiết kiệm theo hợp đồng,...), song song với củng cố lòng tin của người gửi tiền và có chính sách mở rộng thu hút người gửi tiền ngoài địa bàn hoạt động.

Thứ ba, chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng. Chất lượng tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân cần được đảm bảo thông qua sự đổi mới và đa dạng hóa các sản phẩm cho vay theo các đối tượng và nhóm đối tượng khác hàng, cũng như với sự phối hợp chặt chẽ với hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức quần chúng và xã hội tại các địa phương như Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Chi hội phụ nữ, các cơ sở Đoàn thanh niên, v.v...

Thứ tư, trên cơ sở đảm bảo chất lượng tín dụng, các Quỹ tín dụng nhân dân cần chủ động và tích cực tăng cường số lượng khách hàng vay vốn, vừa tăng quy mô cho vay, vừa đa dạng hóa danh mục cho vay, giảm thiểu rủi ro. Hiện nay, đối tượng thành viên vay vốn theo quy định đối với các Quỹ tín dụng nhân dân chỉ được cho vay 3 đối tượng: thành viên tham gia quỹ, người gửi tiền tại quỹ, hộ nghèo. Do đó, để mở rộng đối tượng thành viên vay vốn, Quỹ tín dụng nhân dân phải tăng số lượng thành viên, vận động, tuyên truyền để các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có nhu cầu vay vốn làm ăn hiệu quả tham gia làm thành viên của quỹ, đồng thời thu hút khách hàng gửi tiền tại quỹ và tích cực cho vay hộ nghèo.

Thứ năm, hoàn thiện quy trình phê duyệt cho vay: Với lợi thế gần dân, sát dân có nhiều thông tin về thành viên nên trong quá trình thẩm định, xét duyệt cho vay, Quỹ tín dụng nhân dân cần rút ngắn thời gian thẩm định, xét duyệt cho vay để nâng cao tính cạnh tranh với các ngân hàng thương mại. Hơn nữa nhu cầu vay vốn của các thành viên Quỹ tín dụng nhân dân phần lớn là các nhu cầu đột xuất, với nhu cầu bổ sung vốn đột xuất cho sản xuất kinh doanh, trong khi các vấn đề thủ tục, quy trình hành chính

thường là những cản trở lớn nhất đối với khách hàng vay vốn. Vì vậy nếu không giản tiện các thủ tục hành chính và các bước không thực sự cần thiết trong quy trình cho vay, các Quỹ tín dụng nhân dân khó có thể đáp ứng được nhu cầu và dần dần sẽ bị mất khách hàng khi các ngân hàng thương mại mở rộng hoạt động tài chính vi mô (cho vay các món vay có quy mô nhỏ).

Thứ sáu, tăng cường và đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Theo phương thức mới, việc kiểm tra và giám sát sử dụng vốn vay kết hợp và thông qua các biện pháp hỗ trợ sau cho vay trên cơ sở kết hợp với các cơ quan chuyên môn về kỹ thuật và công nghệ sản xuất kinh doanh. Quá trình hỗ trợ về kỹ thuật và công nghệ của các tổ chức này không chỉ đảm bảo năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh (đặc biệt đối với sản xuất nông nghiệp) do vậy mà quá trình kiểm tra, giám sát được thực hiện một cách khách quan, hiệu quả đảm bảo khả năng hoàn trả nợ gốc và lãi đầy đủ cho các Quỹ tín dụng nhân dân.

Thứ bảy, xây dựng phương án xử lý nợ xấu có tính khả thi. Với những khoản nợ xấu có nguy cơ rủi ro mất vốn, Ban Quản trị các Quỹ tín dụng nhân dân cần có sự phân loại chính xác theo khả năng thu hồi để có biện pháp thu hồi hiệu quả, từ các biện pháp đôn đốc nhắc nhở, đến các biện pháp giáo dục tuyên truyền của các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương, v.v... Trong một số trường hợp khách hàng gặp phải rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh, để đảm bảo thu được nợ gốc và lãi, các Quỹ tín dụng nhân dân còn phải áp dụng cả những khoản cho vay đặc biệt (quá ngạch) để khách hàng có cơ hội khắc phục rủi ro và phục hồi sản xuất kinh doanh.

Thứ tám, cần có sự phối hợp với các tổ chức trong hệ thống tài chính vi mô. Tại Việt Nam, hàng trăm tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính vi mô thuộc ba khu vực: Khu vực chính thức (gồm Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), khu vực bán chính thức (gồm: các tổ chức phi chính phủ và chương trình của các tổ chức xã hội) và khu vực phi chính thức (các nhóm cho vay tương hỗ dưới hình thức phường, họ, hội, thậm chí cho vay nặng lãi...). Hiện nay, sự hoạt động hiệu quả hơn của Ngân hàng chính sách xã hội đã giúp các Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động tốt hơn. Mặc dù vậy, việc huy động vốn hiện nay của các Quỹ tín dụng nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, đồng thời những dịch vụ trung

gian thu hút thêm người gửi tiền (như thanh toán) còn nhiều hạn chế. Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần có sự phối hợp và hỗ trợ hơn các hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân.

5. Kết luận

Dựa vào kết quả phân tích, thảo luận với chuyên gia và phỏng vấn sâu các cơ quan quản lý, lãnh đạo các Quỹ tín dụng nhân dân, đội ngũ nhân viên và khách hàng và phân tích số liệu thứ cấp về tình hình hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có thể kết luận rằng các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đã phát huy được vai trò tương hỗ cộng đồng nhằm ổn định phát triển

kinh tế của địa phương, song hiệu quả hoạt động của một số Quỹ tín dụng nhân dân chưa cao, cả trên phương diện tài chính và an sinh xã hội. Thông qua đánh giá hạn chế và nguyên nhân, một số khuyến nghị được đề xuất như tăng cường giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước, tăng cường vai trò của Ngân hàng Hợp tác xã, đồng thời xúc tiến cơ cấu lại công tác quản trị điều hành và hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân theo hướng tăng cường năng lực tài chính, khoa học hơn trong giải ngân và giám sát khoản vay,... Khi thực hiện đồng bộ những khuyến nghị và giải pháp đề xuất, hiệu quả hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân chắc chắn sẽ được cải thiện hơn trong tương lai□.

Tài liệu tham khảo

ADB (2009), *Development Effective Review, ADB annual report 2009*.

Baarda, J. R. (2006), *Current Issues in Cooperative Finance and Governance: Background and Discussion Paper*, Cooperative Programs, Rural Development, US Department of Agriculture.

Bùi Chính Hưng (2004), *Quỹ tín dụng nhân dân: Mô hình tín dụng hợp tác kiểu mới xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Đào Văn Hùng, Lê Thanh Tâm và Nguyễn Thị Thu Hằng (2010), 'Mô hình phân tích quan hệ giữa độ tiếp cận và tính bền vững tài chính của tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam: Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển số*, 159 (III), 9/2010.

Hesse, H. & Cihak, M. (2007), *Cooperative Banks and Financial Stability*, IMF Working Paper.

Lê Thanh Tâm (2007), 'Sử dụng công cụ SWOT cho xây dựng chiến lược hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân trong điều kiện hội nhập hiện nay', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 125, 30-34.

Ngân hàng Nhà nước (2015), *Thông tư 04/2015/TT-Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ tín dụng nhân dân*, ban hành ngày 31/3/2015.

Woccu (2010), *Concepts of Credit Union*, accessed at <http://www.woccu.org/about/creditunion>

Zeuli, K. A., & Robert, C. (2004), *Cooperatives: Principles and Practices in the 21st Century*, Madison, Wisconsin, University of Wisconsin, Center for Cooperatives.